

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10/8/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quy và ông Đào Xuân Tím

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Y – sinh năm 1991

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn M – sinh năm 1986

Đều ĐKKHKT, nơi cư trú: Thôn NĐ, xã TK, huyện KT, tỉnh HD.

(Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn Nguyễn Thị Y trình bày: Chị và anh Bùi Văn M kết hôn ngày 03/12/2009 tại UBND xã TK,

huyện KT, tỉnh HD trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với bố mẹ anh M tại NĐ - TK và chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh M chỉ chơi bời cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình. Chị cũng đã khuyên bảo anh M nhiều lần nhưng anh M không chịu thay đổi mà ngày càng thêm tệ hơn. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, xúc phạm nhau, không có hạnh phúc. Mặc dù mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng vẫn căng thẳng với nhau. Đến giữa năm 2010 khi chị có bầu được hai tháng vì không thể chịu đựng được cuộc sống vợ chồng căng thẳng không có hạnh phúc nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại NĐ - TK sinh sống từ đó cho tới nay. Chị đã sinh con tại nhà bố mẹ đẻ chị. Trong thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ ở thì anh M có đến 3-4 lần nhưng mỗi lần đến anh M chỉ gây sự, hăm dọa mẹ chị và chị, không quan tâm gì đến chị và con chị. Anh chị cũng chính thức ly thân nhau nhau từ giữa năm 2010 cho tới nay, không ai còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Mong.

Về con chung: Chị xác định chị và anh M có 1 con chung: Bùi Tùng Dương – sinh ngày 08/01/2011. Hiện tại con chung vẫn đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị đang làm công ty TNHH Du lịch thương mại Tân An, địa chỉ: xã ĐC, huyện KT, tỉnh HD, thu nhập bình quân hơn 7 triệu đồng/1 tháng. Bố mẹ chị luôn đảm bảo tốt về chỗ ăn ở, sinh hoạt cho mẹ con chị. Nên việc chị được nuôi cháu Dương sẽ đảm bảo tốt nhất về điều kiện ăn ở sinh hoạt và học tập cho cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 6 năm 2020 anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Y kết hôn ngày 03/12/2009 tại UBND xã TK – KT – HD trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về chung sống cùng bố mẹ anh tại thôn NĐ, xã TK. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, chị Y luôn cho rằng anh chơi bời và không có sự tin tưởng yêu thương anh, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có hạnh phúc. Năm 2015 anh cũng đã viết đơn ly hôn chị Y nhưng chị Y không ký vào

đơn ly hôn, từ đó vợ chồng anh cũng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vẫn căng thẳng. Chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2010 và vợ chồng chính thức ly thân nhau từ đó cho tới nay, không ai còn quan tâm tới ai nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân nhau từ lâu, không thể tiếp tục quay lại chung sống với nhau. Nay chị Y xin ly hôn anh quan điểm của anh là tùy chị Y, anh cũng không níu kéo gì.

Về con chung: Anh và chị Y có 1 con chung: Bùi Tùng Dương – sinh ngày 08/01/2011. Hiện tại con chung đang ở cùng chị Y. Nếu vợ chồng anh ly hôn nhau thì anh tự nguyện giao con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con nếu có điều kiện thì tự bản thân anh cũng sẽ chu cấp cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử chị Y có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Chị vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu khởi kiện. Anh M đã được Toà án triệu tập họp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 39 Bộ luật Dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Bùi Văn M. Về con chung: Giao con chung Bùi Tùng Dương – sinh ngày 08/01/2011 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ tháng 8 năm 2020 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y về việc không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ

chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Y đề nghị xét xử vắng mặt, anh M đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Yển, anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Bùi Văn M kết hôn vào năm 2009, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến giữa năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh M mãi chơi, không quan tâm gì đến gia đình nên vợ chồng không có sự tin tưởng và yêu thương nhau. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2010 đến nay nhưng anh M cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với chị Y và anh xác định vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân nhau từ lâu nên không thể tiếp tục quay lại chung sống với nhau nên anh cũng không muốn níu kéo. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh M không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án hòa giải; thể hiện việc anh M bỏ mặc cho quan hệ hôn nhân đổ vỡ. Chị Y vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với anh M. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Y xin được ly hôn anh Bùi Văn M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Y và anh M có 1 con chung: Bùi Tùng Dương – sinh ngày 08/01/2011. Hiện tại con chung đang ở cùng chị Y. Chị Y và anh M cùng thống nhất giao con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ tháng 8 năm 2020 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy sự tự nguyện của đương sự là hợp pháp, con chung hiện tại do chị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, do vậy để đảm bảo sự ổn định, không bị xáo trộn cuộc sống của con chung nên cần giao con chung Bùi Tùng Dương cho chị Nguyễn Thị Y tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Yển về việc không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y và anh M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Y có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Bùi Văn M.
2. Về con chung: Giao con chung Bùi Tùng Dương – sinh ngày 08/01/2011 cho chị Nguyễn Thị Y tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ tháng 8 năm 2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Y về việc không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Bùi Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.
3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2018/0001467 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã TK, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

